TẠP CHÍ KHOA HỌC
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH
Tập 23, Số 1 (2026): 49-59
Website: https://journal.hcmue.edu.vn
ISSN: 2734-9918

HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION
JOURNAL OF SCIENCE
Vol. 23, No. 1 (2026): 49-59
https://doi.org/10.54607/hcmue.js.23.1.4899(2026)

Bài báo nghiên cứu

BIỂN ĐÔNG TRONG LỢI ÍCH CHIẾN LƯỢC CỦA NHẬT BẢN NHỮNG THẬP NIÊN ĐẦU THẾ KỈ XXI

Phan Văn Cả

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tác giả liên hệ: Phan Văn Cả – Email: hueminhphan@hcmussh.edu.vn
Ngày nhận bài: 16-4-2025; Ngày nhận bài sửa: 29-5-2025; Ngày duyệt đăng: 30-6-2025

TÓM TẮT

Bài viết phân tích vai trò chiến lược của Biển Đông trong chính sách của Nhật Bản đầu thế kỉ XXI, đặc biệt trên các phương diện an ninh hàng hải, thương mại, năng lượng và đối ngoại. Thông qua chiến lược Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương tự do và rộng mở cùng các hoạt động ngoại giao, quốc phòng và kinh tế tại Đông Nam Á, Nhật Bản xem Biển Đông là khu vực trọng yếu để bảo vệ tuyến hàng hải, duy trì trật tự quốc tế dựa trên luật lệ và kiềm chế ảnh hưởng ngày càng lớn của Trung Quốc. Nghiên cứu cho thấy Biển Đông đóng vai trò trung tâm trong chiến lược an ninh khu vực của Nhật Bản. Trước các căng thẳng leo thang, Nhật Bản đã tăng cường hợp tác an ninh với Đông Nam Á, nâng cao năng lực hàng hải cho các quốc gia ven biển và thúc đẩy hiện diện trong các cơ chế khu vực. Những nỗ lực này phản ánh sự chuyển dịch từ chiến lược phòng thủ sang thế chủ động, qua đó khẳng định Biển Đông là yếu tố then chốt trong lợi ích chiến lược dài hạn của Nhật Bản.

Từ khóa: lợi ích chiến lược của Nhật Bản; an ninh hàng hải; hợp tác khu vực; Biển Đông

1. Đặt vấn đề

Biển Đông là khu vực chiến lược trọng yếu trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương, đóng vai trò là tuyến hàng hải quốc tế thiết yếu và là tâm điểm của các tranh chấp lãnh thổ giữa Trung Quốc và các quốc gia Đông Nam Á như Việt Nam, Philippines, Malaysia, Brunei và Indonesia. Dù không có tuyên bố chủ quyền trực tiếp, Nhật Bản nổi lên như một nhân tố quan trọng trong việc định hình trật tự khu vực đầu thế kỉ XXI. Biển Đông không chỉ là không gian kinh tế mà còn là địa bàn chiến lược nơi Nhật Bản khẳng định vai trò quốc tế và ảnh hưởng địa chính trị, góp phần định hình an ninh khu vực (Shoji, 2014, p.127). Lợi ích chiến lược của Nhật Bản tại đây gồm: (1) đảm bảo an ninh và tự do hàng hải, (2) phát triển quan hệ đối tác chiến lược với Đông Nam Á, và (3) ứng phó với sự trỗi dậy của Trung Quốc. Bài viết phân tích ba trụ cột này để làm rõ cách Nhật Bản sử dụng Biển Đông như bàn đạp chiến lược, nhằm tăng cường ảnh hưởng khu vực và củng cố vị thế toàn cầu trong bối cảnh trật tự quốc tế đang được tái cấu trúc.

2. Giải quyết vấn đề

Cite this article as: Phan, V. C. (2026). The Biển Đông in Japan's strategic interests in the early decades of the 21st century. *Ho Chi Minh City University of Education Journal of Science, 23*(1), 49-59. https://doi.org/10.54607/hcmue.js.23.1.4899(2026)

2.1. Tầm quan trọng của Biển Đông trong lợi ích chiến lược của Nhật Bản

Biển Đông giữ vai trò thiết yếu trong chiến lược đối ngoại và an ninh quốc gia của Nhật Bản đầu thế kỉ XXI, dù Nhật Bản không có yêu sách chủ quyền trực tiếp tại đây. Khoảng 80-90% dầu mỏ nhập khẩu và hơn 40% hoạt động thương mại hàng hải của Nhật Bản phụ thuộc vào các tuyến đường biển qua Biển Đông, khiến khu vực này trở thành "huyết mạch kinh tế" và yếu tố sống còn đối với an ninh năng lượng quốc gia (Brown & Kingston, 2018, p.170). Trong bối cảnh Trung Quốc đẩy mạnh quân sự hóa và thực hiện hành vi đơn phương thay đổi nguyên trạng, Nhật Bản lo ngại các hành động này đe dọa tự do hàng hải và xói mòn trật tự khu vực dựa trên luật lệ (Grønning, 2018, p.534). Do đó, Tokyo coi Biển Đông là không gian chiến lược then chốt, nơi duy trì ổn định và pháp quyền quốc tế là lợi ích cốt lõi. Nhật Bản đã điều chỉnh chính sách thông qua Chiến lược "Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương Tự do và Rộng mở" (FOIP), tích cực hỗ trợ các nước trong khu vực nâng cao năng lực hàng hải thông qua các sáng kiến song phương và đa phương, nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia và củng cố vị thế chiến lược (Shigenoi, 2022, p.61).

Hợp tác với Việt Nam – quốc gia tiền tuyến trong tranh chấp Biển Đông – là minh chứng điển hình cho cách tiếp cận "cân bằng mềm" của Tokyo, vừa khẳng định cam kết với luật pháp quốc tế, vừa tránh đối đầu trực tiếp với Trung Quốc. Tóm lại, Biển Đông không chỉ là vấn đề giao thương mà còn gắn liền với vị trí địa chiến lược và vai trò của Nhật Bản như một quốc gia đóng góp cho hòa bình và ổn định khu vực (Shoji, 2014, pp.131-132).

2.2. Biển Đông trong đảm bảo an ninh và tự do hàng hải của Nhật Bản

- *Tăng cường hiện diện hải quân và hợp tác quốc tế*

Trước các hành động ngày càng quyết đoán của Trung Quốc tại Biển Đông và Biển Hoa Đông, Nhật Bản đã thúc đẩy hợp tác an ninh với các đối tác khu vực nhằm duy trì ổn định và trật tự dựa trên luật lệ. Một công cụ quan trọng được Tokyo sử dụng là viện trợ phát triển chính thức (ODA) mang tính chiến lược, nhằm nâng cao năng lực tuần tra và giám sát hàng hải của các quốc gia Đông Nam Á. Thông qua hỗ trợ "cứng" như chuyển giao tàu tuần tra và thiết bị quân sự, cùng hỗ trợ "mềm" như huấn luyện lực lượng cảnh sát biển và quân đội, Nhật Bản kì vọng giúp các nước này cải thiện kiểm soát biển và cân bằng ảnh hưởng của Trung Quốc (Yoshimatsu, 2021, p.144, p.202).

Trong hợp tác song phương và ba bên với Mĩ, Nhật Bản đã cung cấp tàu tuần tra cho các quốc gia như Philippines và Việt Nam. Năm 2012, Lực lượng Phòng vệ Biển Nhật Bản (JMSDF) đã gia tăng hiện diện tại Biển Đông thông qua các cuộc tập trận với Mĩ, Úc và một số nước ASEAN. Dù được phân loại là tuần tra huấn luyện, Trung Quốc có thể xem đây là dấu hiệu can dự quân sự rõ rệt (Er, 2017, p.243). Năm 2014, Tokyo chuyển giao tàu đã qua sử dụng, cấp vốn ưu đãi và tổ chức các khóa huấn luyện kĩ năng, chiến thuật cho lực lượng bảo vệ bờ biển, giúp nâng cao năng lực thực thi pháp luật trên biển (Er, 2017, p.217). Những hoạt động này vừa mang lại hiệu quả thực tiễn, vừa mở rộng ảnh hưởng chính trị - chiến lược của Nhật Bản tại khu vực (Fels & Vu, 2021, p.282). Sự kiện tàu Ariake và Kashima cập cảng Cam Ranh năm 2016, lần đầu tiên kể từ Thế chiến II, mang tính biểu tượng mạnh mẽ về cam kết của Nhật Bản đối với an ninh khu vực (Grønning, 2018, p.8).

Về chiến lược, Nhật Bản hỗ trợ các chiến dịch Tự do Hàng hải (FONOPs) của Mĩ qua cung cấp hậu cần, chia sẻ tình báo và sử dụng căn cứ quân sự tại Okinawa (Buszynski, 2019, p.113). Dù không trực tiếp tham gia, Nhật Bản vẫn thể hiện cam kết qua việc triển khai tàu sân bay Izumo và tổ chức tập trận song phương (Smith, 2018, p.177). Bộ trưởng Quốc phòng Tomomi Inada từng đề xuất tuần tra chung với Mĩ để tăng cường hiện diện (Ciorciari, 2021, p.43). Tokyo cũng tích cực thúc đẩy an ninh biển tại các diễn đàn khu vực như ARF, ADMM-Plus và EAS nhằm hình thành một mặt trận thống nhất trước hành vi đơn phương của Trung Quốc (Shoji, 2014; Er, 2017).

- *Ủng hộ Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển (UNCLOS)*

Nhật Bản và ASEAN chia sẻ lợi ích chiến lược và quan tâm chung trong việc bảo đảm an ninh, tự do hàng hải, cũng như thúc đẩy giải quyết tranh chấp Biển Đông bằng biện pháp hòa bình, dựa trên luật pháp quốc tế, đặc biệt là Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS) (Shiraishi & Kojima, 2013, p.11; Koga, 2018, p.18). Việc Nhật Bản công khai ủng hộ phán quyết năm 2016 của Tòa Trọng tài Thường trực (PCA) bác bỏ yêu sách "đường chín đoạn" thể hiện lập trường kiên định đề cao luật pháp quốc tế. Nhật Bản chỉ trích các hành động của Trung Quốc như xây dựng đảo nhân tạo, quân sự hóa các thực thể và quấy nhiễu tàu thuyền nước khác là thách thức trực tiếp với UNCLOS và trật tự hàng hải khu vực (Kratiuk & Sato, 2023, p.295; Houlden & Tønnesson, 2023, p.259; Sohn & Pempel, 2018, pp.240-242).

Nhật Bản đặc biệt lo ngại việc Trung Quốc từ chối tuân thủ UNCLOS trong tranh chấp với Philippines và triển khai chiến thuật "vùng xám", vốn bị xem là xói mòn các chuẩn mực quốc tế. Theo Nhật Bản, các hành động này "không tương thích với trật tự pháp luật quốc tế hiện hành" và có thể tạo tiền lệ nguy hiểm cho tranh chấp chủ quyền toàn cầu (Shoji, 2014, p.127). Do đó, Nhật Bản liên tục nhấn mạnh ba nguyên tắc cốt lõi của trật tự hàng hải dựa trên luật lệ: (1) bác bỏ các yêu sách không có cơ sở pháp lí; (2) không sử dụng hoặc đe dọa sử dụng vũ lực; và (3) giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình (Vosse & Midford, 2018, p.38). Những nguyên tắc này thường xuyên xuất hiện trong tuyên bố chung tại các hội nghị thượng đỉnh ASEAN – Nhật Bản, phản ánh sự đồng thuận chiến lược về duy trì ổn định và thượng tôn pháp luật ở Biển Đông (Ball & Mohan, 2021, p.101).

- *Lợi ích kinh tế từ tự do hàng hải*

Nhật Bản là một nền kinh tế phụ thuộc lớn vào thương mại hàng hải và nhập khẩu năng lượng. Các tuyến đường biển qua Biển Đông và eo biển Malacca được xem là huyết mạch hàng hải, đặc biệt trong bối cảnh hơn 80% lượng dầu nhập khẩu từ Trung Đông và khoảng 40% tổng thương mại hàng hải của Nhật đi qua khu vực Đông Nam Á, nơi Biển Đông giữ vị trí trung tâm. Năm 2016, khoảng 92% dầu mỏ và 50% khí đốt tự nhiên nhập khẩu của Nhật Bản được vận chuyển qua Biển Đông (Houlden & Tønnesson, 2021, p.256). Sự ổn định khu vực không chỉ đảm bảo luồng vận chuyển thông suốt mà còn giảm thiểu rủi ro kinh tế phát sinh từ căng thẳng hoặc xung đột. Trong trường hợp xảy ra phong tỏa hay hành vi cưỡng ép, chi phí bảo hiểm và vận hành sẽ tăng cao, ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế Nhật Bản (Rothman & Sato, 2017, p.130; Fatton, 2016, p.4).

Nhận thức rõ các nguy cơ, Nhật Bản đã triển khai chính sách an ninh hàng hải mang tính chiến lược để bảo vệ lợi ích quốc gia. Ngay từ đầu thế kỉ XXI, Tokyo đã hành động nhằm ứng phó với các mối đe dọa phi truyền thống như cướp biển và buôn lậu tại eo biển Malacca và các vùng biển lân cận. Từ thập niên 2010, trước sự gia tăng các hành động quyết đoán của Trung Quốc ở Biển Đông, Nhật Bản mở rộng khái niệm "tự do hàng hải" thành trụ cột trong chính sách đối ngoại và an ninh, đồng thời tăng cường sự hiện diện của Lực lượng Phòng vệ thông qua "ngoại giao quốc phòng" với các quốc gia Đông Nam Á (Katagiri, 2020, p.12).

Nhật Bản xem Biển Đông không chỉ là không gian thiết yếu cho lợi ích quốc gia mà còn đóng vai trò trung tâm trong hòa bình và thịnh vượng khu vực. Điều này phản ánh rõ qua chiến lược FOIP do Thủ tướng Abe Shinzo khởi xướng năm 2016, trong đó Đông Nam Á được định vị là điểm nối chiến lược giữa hai đại dương, và tự do hàng hải là trụ cột then chốt của trật tự khu vực.

Một trong những ưu tiên trong Chiến lược An ninh Quốc gia năm 2013 của Nhật Bản là tăng cường hợp tác với ASEAN, đặc biệt với các quốc gia đang có tranh chấp với Trung Quốc trên Biển Đông. Sự hợp tác này được thể hiện thông qua các chương trình hỗ trợ nâng cao năng lực, tổ chức tập trận chung, và đào tạo lực lượng chấp pháp trên biển (Fels & Vu, 2016, p.426). Nhật Bản đồng thời nhấn mạnh rằng Biển Đông là "mối quan tâm chung" của cộng đồng quốc tế, và mọi hành động tại khu vực này cần tuân thủ nguyên tắc thượng tôn pháp luật (Corr, 2018, p.233). Cam kết của Nhật Bản đối với an ninh hàng hải ở Biển Đông còn được thể hiện rõ qua các chương trình hỗ trợ kĩ thuật và huấn luyện dành cho các quốc gia ven biển, đặc biệt là Philippines và Việt Nam, trong các lĩnh vực tuần tra, giám sát và nâng cao năng lực thực thi pháp luật. Bên cạnh đó, Nhật Bản tích cực tham gia các diễn đàn đa phương như Hội nghị Thượng đỉnh Đông Á (EAS), Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF), và Đối thoại Shangri-La nhằm khẳng định lập trường ủng hộ luật pháp quốc tế, đặc biệt là UNCLOS, cũng như thúc đẩy giải quyết tranh chấp bằng các biện pháp hòa bình.

2.3. Củng cố quan hệ đối tác chiến lược với các quốc gia Đông Nam Á

Quan hệ Nhật Bản - Đông Nam Á sau Chiến tranh Lạnh đã mở rộng từ hợp tác kinh tế sang đối tác chiến lược đa chiều, bao gồm an ninh, văn hóa và chuyển đổi số. Thông qua các sáng kiến như "Chủ nghĩa hòa bình tích cực" và FOIP, Nhật Bản gia tăng vai trò an ninh, đối trọng với Trung Quốc và thúc đẩy trật tự dựa trên luật lệ. ASEAN xem Nhật Bản là đối tác tin cậy, nhưng vẫn cần cân bằng giữa các cường quốc để bảo vệ lợi ích riêng.

- *Hỗ trợ kinh tế và cơ sở hạ tầng*

Một đặc điểm nổi bật trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản là sự linh hoạt trong quan hệ với Trung Quốc. Quan hệ hợp tác giữa hai nước tại Đông Nam Á và châu Á – Thái Bình Dương mang tính chất vừa hợp tác vừa cạnh tranh, chịu ảnh hưởng bởi lợi ích chiến lược, kinh tế và địa chính trị. Hai bên cùng chia sẻ lợi ích trong thúc đẩy thương mại tự do, phát triển hạ tầng và ổn định khu vực, song cạnh tranh địa chính trị và tranh chấp lãnh thổ vẫn là rào cản lớn. Đối với các nước Đông Nam Á, việc tận dụng hợp tác Trung – Nhật trong các khuôn khổ như RCEP và APEC mang lại cơ hội phát triển, nhưng đòi hỏi khéo léo để tránh bị kẹt giữa cạnh tranh của các cường quốc. Bên cạnh việc hợp tác chặt chẽ với các

quốc gia cùng chí hướng nhằm kiềm chế ảnh hưởng của Bắc Kinh, Nhật Bản vẫn duy trì các kênh hợp tác thực tiễn với Trung Quốc. Hai nước đã thiết lập Ủy ban Hợp tác Toàn diện và Diễn đàn Doanh nghiệp Song phương, với sự tham gia của khu vực công – tư, nhằm thúc đẩy dự án hạ tầng trong khuôn khổ Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI), chủ yếu tập trung vào các dự án tại nước thứ ba. Điều này thể hiện cách tiếp cận linh hoạt, thực dụng của Tokyo trong việc cân bằng lợi ích kinh tế và lập trường chiến lược độc lập (Yoshimatsu, 2021, p.103).

Đồng thời, Nhật Bản đẩy mạnh các sáng kiến bảo vệ vị thế trong lĩnh vực hạ tầng khu vực. Thông qua Đối tác về Cơ sở hạ tầng Chất lượng (PQI) và hợp tác với Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Tokyo đưa ra mô hình đầu tư thay thế, nhấn mạnh tính bền vững và minh bạch so với BRI hay AIIB của Trung Quốc. Song song đó, Nhật Bản tăng cường quan hệ chiến lược với Mĩ và Ấn Độ nhằm xây dựng trật tự khu vực dựa trên luật lệ, hạn chế ảnh hưởng của Bắc Kinh trong đầu tư hạ tầng xuyên quốc gia. Về an ninh, Nhật Bản sử dụng ODA như công cụ chiến lược để nâng cao năng lực hàng hải cho các quốc gia ASEAN, kết hợp viện trợ vật chất và đào tạo nhân lực, góp phần xây dựng mạng lưới đối tác phù hợp với liên minh Nhật - Mĩ (Yoshimatsu, 2021, p.202).

Nhật Bản cũng tích cực hỗ trợ tài chính cho hạ tầng Đông Nam Á, tiêu biểu là cam kết 4 tỉ USD cho các dự án tại Indonesia và đầu tư vào cơ sở đánh bắt cá, cảng biển trên các đảo xa (Panda, 2022, pp.163-164). Ngoài ra, sáng kiến Đối tác Tăng cường về Cơ sở hạ tầng Chất lượng trị giá 200 tỉ USD nhấn mạnh các tiêu chí minh bạch, khả năng chi trả và bền vững (Choong, 2020, p.4). Bên cạnh ODA, Nhật Bản đẩy mạnh FDI vào Đông Nam Á, tập trung vào sản xuất, năng lượng và hạ tầng. Tính đến năm 2020, FDI của Nhật Bản tại ASEAN vượt 250 tỉ USD, với Thái Lan, Indonesia và Việt Nam là các điểm đến chính. Những khoản đầu tư này giúp Tokyo tăng cường ảnh hưởng chiến lược tại Biển Đông và xây dựng mạng lưới đối tác kinh tế. FOIP không chỉ nhấn mạnh khía cạnh an ninh mà còn thúc đẩy hợp tác kinh tế thông qua hạ tầng chất lượng cao, cung cấp lựa chọn thay thế cho mô hình phát triển do Bắc Kinh dẫn dắt (Katagiri, 2020, p.17).

- *Hợp tác an ninh và quốc phòng*

Nhật Bản nhận thức rõ mối liên hệ giữa an ninh tại Biển Đông và Biển Hoa Đông, đặc biệt trong bối cảnh Trung Quốc gia tăng các hành động đơn phương làm thay đổi hiện trạng. Việc Bắc Kinh xây dựng đảo nhân tạo và quân sự hóa các thực thể tranh chấp ở Biển Đông được Tokyo xem là mối đe dọa nghiêm trọng đối với an ninh hàng hải và ổn định khu vực (Baldauff, 2024, p.142). Trước tình hình đó, Nhật Bản tăng cường hợp tác quốc phòng với Mĩ và ASEAN, khẳng định tầm quan trọng của trật tự hàng hải dựa trên luật pháp quốc tế (Houlden & Tønnesson, 2021, p.262).

Để đối trọng với ảnh hưởng ngày càng tăng của Trung Quốc, Nhật Bản đẩy mạnh hợp tác quốc phòng song phương và đa phương với các nước Đông Nam Á, bao gồm chương trình hỗ trợ nâng cao năng lực hàng hải và chống cướp biển. Việc chuyển giao tàu tuần tra phi quân sự và huấn luyện nhân lực cho các nước Đông Nam Á giúp tăng cường năng lực thực thi pháp luật và mở rộng ảnh hưởng chiến lược của Nhật Bản. Từ năm 2012, quan hệ

Nhật - Thái được nâng cấp lên đối tác chiến lược, trong khi các thỏa thuận quốc phòng với Indonesia và Malaysia tiếp tục mở rộng mạng lưới an ninh khu vực (Corr, 2018, pp.220-221; Shigenoi, 2022, p.68). Nhật Bản cũng thúc đẩy quan hệ với các đối tác có lập trường tương đồng như Ấn Độ – quốc gia có tranh chấp lãnh thổ với Trung Quốc – nhằm phân chia gánh nặng an ninh (Shigenoi, 2022, p.28).

Lực lượng Phòng vệ Hàng hải Nhật Bản (JMSDF) đóng vai trò chủ chốt trong chính sách an ninh khu vực. Thông qua các cuộc tập trận đơn phương và đa phương, JMSDF củng cố các quy tắc và chuẩn mực quốc tế tại Biển Đông. Từ năm 2017, chiến dịch "Triển khai Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương" (IPD) được thực hiện nhằm cải thiện khả năng phản ứng chiến thuật và tăng cường hợp tác với hải quân đối tác (Choudhury, 2023, pp.46-47). Hợp tác quốc phòng song phương với các nước Đông Nam Á tiếp tục mở rộng. Thỏa thuận Hợp tác Quốc phòng Nhật – Việt năm 2016 bao gồm cam kết hỗ trợ Việt Nam giám sát và tuần tra tại Biển Đông. Philippines cũng được hỗ trợ tàu tuần tra và máy bay giám sát (Shoji, 2024, p.34). Đồng thời, liên minh Nhật - Mĩ được củng cố thông qua các cuộc tập trận chung và triển khai lực lượng Mĩ tại khu vực (Yoshimatsu, 2021, p.133, p.218). Nhật Bản còn tham gia các cuộc tập trận đa phương như Cobra Gold do Mĩ và Thái Lan tổ chức – một nền tảng nâng cao khả năng phối hợp khu vực (Khandekar & Gaens, 2018, p.33).

Tokyo chủ động đề xuất các cuộc họp bộ trưởng quốc phòng với ASEAN nhằm tăng cường đối thoại và xây dựng lòng tin. Từ lần tổ chức đầu tiên năm 2014, cơ chế này đã trở thành diễn đàn thường niên thúc đẩy vai trò an ninh của Nhật Bản trong khu vực (Baldauff, 2024, pp.123-124). Đặc biệt, việc Nhật Bản từng bước nới lỏng hạn chế xuất khẩu thiết bị quốc phòng mở ra khả năng cung cấp khí tài cho Đông Nam Á, đồng thời phản ánh sự điều chỉnh chiến lược phù hợp với xu hướng hợp tác an ninh toàn cầu, trong bối cảnh các cường quốc phương Tây ngày càng lo ngại trước các hành vi hàng hải quyết đoán của Trung Quốc (Baldauff, 2024, p.144).

- *Tăng cường ảnh hưởng ngoại giao qua các cơ chế đa phương*

Nhật Bản tích cực tham gia các diễn đàn an ninh do ASEAN dẫn dắt như Diễn đàn Khu vực ASEAN (ARF), Hội nghị Bộ trưởng Quốc phòng ASEAN Mở rộng (ADMM+), và Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAS) nhằm thúc đẩy chuẩn tắc khu vực trong giải quyết tranh chấp lãnh thổ và bảo đảm an ninh hàng hải. Trong khuôn khổ chiến lược FOIP, năm 2016 tại Hội nghị Thượng đỉnh TICAD VI ở Nairobi, Kenya. Thủ tướng Abe đề xuất ba nguyên tắc cơ bản về thượng tôn pháp luật trên biển: (1) kiềm chế sử dụng vũ lực để thay đổi hiện trạng; (2) giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hòa bình; và (3) tuân thủ luật pháp quốc tế, đặc biệt là UNCLOS (Grønning, 2018, p.538). Những nguyên tắc này trở thành nền tảng trong nỗ lực ngoại giao của Nhật Bản nhằm xây dựng đồng thuận khu vực về trật tự biển. Bên cạnh khía cạnh an ninh, Tokyo cũng thúc đẩy cấu trúc kinh tế khu vực nhằm cân bằng ảnh hưởng của Trung Quốc. Nhật Bản đóng vai trò nổi bật trong Bộ Tứ (QUAD) cùng với Mĩ, Úc và Ấn Độ – cơ chế chiến lược nhằm củng cố phối hợp an ninh hàng hải, bảo vệ tự do hàng hải và đối phó với sự gia tăng hiện diện quân sự của Trung Quốc từ Biển Hoa Đông đến Ấn Độ Dương (Yoshimatsu, 2021, p.222).

Để giảm thiểu nguy cơ xung đột, Nhật Bản thúc đẩy các cơ chế liên lạc khẩn cấp và đối thoại an ninh với Trung Quốc, qua đó xây dựng lòng tin chiến lược. Đồng thời, Tokyo ủng hộ mạnh mẽ vai trò trung tâm của ASEAN trong việc thúc đẩy Bộ Quy tắc Ứng xử tại Biển Đông (COC) như một công cụ điều chỉnh hành vi và hạn chế xung đột (Koga, 2018, p.26). Những hành động này cho thấy Nhật Bản đang khẳng định vai trò của một cường quốc tầm trung có trách nhiệm trong việc duy trì trật tự khu vực dựa trên luật lệ.

2.4. Đối phó với sự trỗi dậy của Trung Quốc

- *Tăng cường liên minh với Mĩ*

Liên minh Mĩ–Nhật Bản vẫn giữ vai trò trung tâm trong chiến lược an ninh quốc gia của Tokyo và là nền tảng then chốt trong chính sách đối ngoại của Nhật Bản tại khu vực Ấn Độ Dương–Thái Bình Dương. Hình thành trong Chiến tranh Lạnh để đối phó chủ nghĩa cộng sản, liên minh này đã phát triển thành cơ chế bảo đảm an ninh và duy trì trật tự khu vực dựa trên luật lệ quốc tế (Yoshimatsu, 2021, pp. 7-8). Với khoảng 49.000 binh sĩ Mĩ đồn trú chủ yếu tại Okinawa, Nhật Bản là đồng minh quân sự quan trọng của Mĩ tại châu Á, đóng góp vào việc răn đe các mối đe dọa truyền thống lẫn phi truyền thống và duy trì cân bằng chiến lược khu vực (Fels & Vu, 2016, p. 427). Từ đầu thế kỉ XXI, trước hành động quyết đoán của Trung Quốc tại các vùng biển tranh chấp, đặc biệt là quần đảo Senkaku/Điếu Ngư, Tokyo ngày càng coi liên minh với Mĩ là yếu tố chiến lược cốt lõi để bảo vệ chủ quyền, tự do hàng hải và ổn định khu vực.

Dưới thời Thủ tướng Abe Shinzo, Nhật Bản thúc đẩy hợp tác quốc phòng với Mĩ thông qua tập trận chung, triển khai khí tài hiện đại và tăng cường năng lực răn đe (Fels & Vu, 2016, p. 438). Tokyo cũng ủng hộ vai trò lãnh đạo khu vực của Mĩ như một đối trọng trước sự trỗi dậy của Trung Quốc. Liên minh Mĩ–Nhật được xem là công cụ răn đe mang tính hệ thống, giúp bảo vệ trật tự quốc tế dựa trên luật lệ và duy trì cân bằng quyền lực (Er, 2017, p. 243). Nhật Bản đồng thời hỗ trợ sự hiện diện quân sự của Mĩ tại các tuyến hàng hải chiến lược nhằm bảo đảm an ninh năng lượng và thương mại biển (Buszynski, 2019, p. 113).

Chiến lược "tái cân bằng" của Mĩ hướng tới châu Á–Thái Bình Dương dưới thời Obama được Tokyo ủng hộ mạnh mẽ. Việc sửa đổi Hướng dẫn Hợp tác Quốc phòng năm 2015 cho phép Lực lượng Phòng vệ Nhật Bản tham gia tích cực hơn vào ổn định khu vực và hỗ trợ Mĩ tại Biển Đông (Brown & Kingston, 2018, p. 170). Cùng năm, Luật An ninh mới hợp pháp hóa quyền phòng vệ tập thể, mở rộng hợp tác quân sự với các đối tác cùng chí hướng và thể chế hóa sự ủng hộ của Tokyo đối với các hoạt động do Mĩ dẫn đầu tại Biển Đông (Hughes, 2015, p. 76; Hwang & Frettingham, 2021, pp. 132-133). Những điều chỉnh này khẳng định cam kết ngày càng rõ ràng của Nhật Bản trong việc duy trì trật tự khu vực dựa trên luật lệ và vai trò chiến lược của nước này trong cấu trúc an ninh Ấn Độ Dương–Thái Bình Dương.

- *Thúc đẩy khái niệm "Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và rộng mở" (FOIP)*

Năm 2016, Thủ tướng Abe Shinzo công bố FOIP tại Diễn đàn Kinh tế Quốc tế ở Nairobi như một phản ứng chiến lược trước sự trỗi dậy của Trung Quốc và ảnh hưởng ngày càng sâu rộng của Sáng kiến Vành đai và Con đường (BRI). Với ba trụ cột chính - bảo vệ tự

do hàng hải, thúc đẩy thượng tôn pháp luật và tăng cường hợp tác kinh tế – FOIP hướng đến xây dựng một trật tự khu vực mở và dựa trên luật lệ. Chiến lược này đặc biệt tập trung vào việc bảo vệ các tuyến đường hàng hải chiến lược qua Biển Đông và Biển Hoa Đông, vốn đóng vai trò thiết yếu trong thương mại và an ninh năng lượng của Nhật Bản (Ciorciari & Tsutsui, 2021, p.9, p.56). Đồng thời, Tokyo chủ trương mở rộng không gian chiến lược của liên minh Mĩ - Nhật Bản ra toàn khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương (Sudo & Yamahata, 2023, p.279).

Trong khuôn khổ FOIP, Nhật Bản tích cực tăng cường quan hệ với các đối tác dân chủ như Mĩ, Ấn Độ, Úc và các quốc gia Đông Nam Á nhằm định hình một trật tự khu vực ổn định, đa cực và dựa trên giá trị chung. Những nỗ lực này phản ánh quan ngại của Tokyo trước các hành động đơn phương và quyết đoán của Trung Quốc tại các vùng biển tranh chấp (Kikuchi & Smith, 2019, p.87).

Nhật Bản cũng đóng vai trò then chốt trong thúc đẩy hợp tác đa phương, đặc biệt trong khuôn khổ Đối thoại An ninh Bốn bên (QUAD), cùng với Mĩ, Ấn Độ và Úc, nhằm đối phó với các thách thức an ninh khu vực (Choudhury, 2023, p.37). Trong cách tiếp cận này, ASEAN được coi là tuyến đầu trong việc kiềm chế sự bành trướng của Trung Quốc. FOIP không chỉ là công cụ địa chiến lược mà còn là cơ chế duy trì sự hiện diện của Mĩ trong khu vực – điều kiện then chốt để đảm bảo trật tự khu vực không bị chi phối bởi một cường quốc đơn lẻ (Ciorciari & Tsutsui, 2021, p.100). Chiến lược FOIP phản ánh nỗ lực của Nhật Bản trong việc duy trì cân bằng quyền lực và chống lại ảnh hưởng ngày càng gia tăng của BRI trên cả hai phương diện an ninh và kinh tế (Huxley & Kuok, 2022, p.181), qua đó khẳng định vai trò lãnh đạo khu vực của Tokyo trong việc định hình một không gian Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương tự do, rộng mở và tuân thủ luật pháp quốc tế.

- *Cân bằng giữa cạnh tranh và hợp tác với Trung Quốc*

Quan hệ Nhật Bản - Trung Quốc thế kỉ XXI thường được mô tả là "chính trị lạnh, kinh tế nóng", thể hiện sự kết hợp giữa cạnh tranh chiến lược và phụ thuộc kinh tế lẫn nhau. Dù tồn tại căng thẳng sâu sắc về chính trị – an ninh, đặc biệt tại Biển Hoa Đông và Biển Đông, Nhật Bản vẫn duy trì quan hệ kinh tế chặt chẽ với Trung Quốc – đối tác thương mại lớn thứ hai của Tokyo (Sohn & Pempel, 2018, p.250; Umbach, 2000, p.192). Trong bối cảnh đó, Đông Nam Á trở thành không gian cạnh tranh ảnh hưởng rõ nét. Nhật Bản tăng cường hiện diện qua chính sách ODA, nhấn mạnh giá trị phổ quát, minh bạch và chất lượng hạ tầng (Envall, 2022, p.4). Tuy nhiên, sự hoài nghi chiến lược giữa hai nước vẫn tiếp tục định hình cách tiếp cận của Nhật Bản đối với Trung Quốc.

Về Biển Đông, Nhật Bản phản đối các hành động đơn phương, cưỡng ép của Trung Quốc và bảo vệ tự do hàng hải cùng trật tự dựa trên luật lệ. Tokyo ưu tiên cách tiếp cận mềm mại, tập trung hỗ trợ nâng cao năng lực cho các nước Đông Nam Á để tránh đối đầu trực tiếp (Mendl, 2002, p.101). Nhật Bản đặc biệt lo ngại việc Trung Quốc quân sự hóa các thực thể, sử dụng dân quân biển và chiến thuật vùng xám trên Biển Đông, vì những hành động này có thể tạo tiền lệ nguy hiểm cho tranh chấp quần đảo Senkaku/Điếu Ngư ở Biển Hoa Đông (Choudhury, 2023, p.152). Do đó, Nhật Bản củng cố quan hệ với các nước ASEAN

ven biển thông qua các thỏa thuận kinh tế – chính trị, nhằm đảm bảo an ninh hàng hải và duy trì ổn định khu vực, hướng tới việc xây dựng môi trường mà Trung Quốc được coi là đối tác bình đẳng thay vì thế lực áp đặt.

3. Kết luận

Trong những thập niên đầu thế kỉ XXI, Biển Đông đã trở thành không gian chiến lược then chốt trong chính sách đối ngoại và an ninh quốc gia của Nhật Bản. Bên cạnh giá trị địa kinh tế quan trọng, khu vực này ngày càng được Tokyo xem là "mặt trận mềm" trong chiến lược đối trọng với Trung Quốc, đồng thời thể hiện vai trò của Nhật Bản như một cường quốc hàng hải có trách nhiệm trong việc duy trì trật tự khu vực dựa trên luật lệ.

Để bảo vệ lợi ích chiến lược, Nhật Bản đã triển khai đồng bộ nhiều biện pháp: tăng cường hiện diện hải quân, thúc đẩy hợp tác song phương và đa phương, hỗ trợ nâng cao năng lực hàng hải cho các quốc gia Đông Nam Á, đặc biệt là Việt Nam và Philippines, đồng thời tham gia tích cực vào các cơ chế đối thoại an ninh khu vực. Những nỗ lực này góp phần mở rộng ảnh hưởng và củng cố mạng lưới đối tác chiến lược của Tokyo tại khu vực.

Từ năm 2016, chiến lược "Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương Tự do và Rộng mở" (FOIP) được cụ thể hóa, với trọng tâm là bảo vệ tự do hàng hải, thượng tôn pháp luật và thúc đẩy hợp tác kinh tế – an ninh. Thông qua khuôn khổ QUAD cùng Mĩ, Úc và Ấn Độ, kết hợp cách tiếp cận "hòa bình chủ động", Nhật Bản đã chuyển dịch rõ nét từ thế phòng thủ sang vị thế chủ động hơn trong việc định hình trật tự khu vực dựa trên luật lệ quốc tế.

Tuy nhiên, Nhật Bản vẫn phải đối mặt với những thách thức lớn từ cạnh tranh chiến lược gay gắt với Trung Quốc và nguy cơ bất ổn từ các tranh chấp lãnh thổ. Trong bối cảnh đó, Tokyo cần tiếp tục điều chỉnh linh hoạt chính sách đối ngoại, tăng cường phối hợp với các đối tác chiến lược và kiên định cam kết với luật pháp quốc tế nhằm bảo vệ lợi ích quốc gia cũng như củng cố vị thế của mình trong trật tự khu vực Ấn Độ Dương – Thái Bình Dương đang định hình.

❖ ***Tuyên bố về quyền lợi:*** *Tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.*

❖ ***Lời cảm ơn:*** *Nghiên cứu được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) trong khuôn khổ Đề tài mã số "C2025-18b-11".*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Baldauff, N. (2024). *Japan's defense engagement in the Indo-Pacific: Deterrence, strategic partnership, and stable order building* (United Nations University Series on Regionalism, Vol. 28). Springer. https://doi.org/10.1007/978-3-031-60579-6

Ball, D., Béraud-Sudreau, L., Huxley, T., Mohan, C. R., & Taylor, B. (2021). *Asia's new geopolitics: Military power and regional order*. Routledge.

Brown, J. D., & Kingston, J. (Eds.). (2018). *Japan's foreign relations in Asia*. Routledge.

Buszynski, L. (Ed.). (2019). *The South China Sea: From a regional maritime dispute to geo-strategic competition*. Routledge. https://doi.org/10.4324/9780429331480

Choong, W. (2020). *Japan's Indo-Pacific strategy in Southeast Asia: Floundering, not foundering*. ISEAS Yusof Ishak Institute.

Choudhury, S. R. (Ed.). (2023). *Japan and its partners in the Indo-Pacific: Engagements and alignment*. Routledge.

Ciorciari, J. D., & Tsutsui, K. (Eds.). (2021). *The courteous power: Japan and Southeast Asia in the Indo-Pacific era* (Michigan Monograph Series in Japanese Studies, Vol. 92). University of Michigan Press. https://doi.org/10.3998/mpub.11859489

Corr, A. (Ed.). (2018). *Great powers, grand strategies: The new game in the South China Sea*. Naval Institute Press.

Er, L. P. (Ed.). (2017). *China-Japan relations in the 21st century: Antagonism despite interdependency*. Springer.

Fatton, L. P. (2016). Japan's new security policy: Toward regional involvement at sea? *Strategic Security Analysis*, (4), 1–8.

Fels, E., & Vu, T.-M. (Eds.). (2016*). Power politics in Asia's contested waters: Territorial disputes in the South China Sea*. Springer.

Grønning, B. E. M. (2018). Japan's security cooperation with the Philippines and Vietnam. *The Pacific Review*, 31(4), 533–552. https://doi.org/10.1080/09512748.2017.1397730

Houlden, G., Romaniuk, S. N., & Hong, N. (Eds.). (2021). *Security, strategy, and military dynamics in the South China Sea: Cross-national perspectives*. Bristol University Press. https://doi.org/10.46692/9781529213478

Hughes, C. W. (2015). *Japan's foreign and security policy under the 'Abe Doctrine': New dynamism or new dead end?* Palgrave Macmillan.

Huxley, T., & Kuok, L. (Eds.). (2022). *Asia-Pacific regional security assessment 2022: Key developments and trends*. Routledge. https://doi.org/10.4324/9781003336112

Hwang, Y.-J., & Frettingham, E. (Eds.). (2021). *Maritime and territorial disputes in the South China Sea: Faces of power and law in the age of China's rise*. Routledge.

Katagiri, N. (2020). Shinzo Abe's Indo-Pacific strategy: Japan's recent achievement and future direction. *Asian Security, 16*(2), 179–200.
https://doi.org/10.1080/14799855.2019.1607304

Khandekar, G., & Gaens, B. (Eds.). (2018). *Japan's search for strategic security partnerships*. Routledge.

Kikuchi, T., Koga, K., Wijaya, T., Chacko, P., Panda, J., Satake, T., & Smith, S. A. (2019). *Implementing the Indo-Pacific: Japan's region building initiatives*.

Koga, K. (2018). Japan's strategic interests in the South China Sea: Beyond the horizon? *Australian Journal of International Affairs, 72*(1), 16–30.
https://doi.org/10.1080/10357718.2017.1399337

Kratiuk, B., Van den Bosch, J. J., Jaskólska, A., & Sato, Y. (Eds.). (2023). *Handbook of Indo-Pacific studies*. Routledge. https://doi.org/10.4324/9781003336143

Mendl, W. (2002). *Japan's Asia policy: Regional security and global interests*. Routledge.

Panda, J. P. (Ed.). (2022). *India-Japan-ASEAN triangularity: Emergence of a possible Indo-Pacific axis?* Routledge.

Rothman, S. B., Vyas, U., & Sato, Y. (Eds.). (2017). *Regional institutions, geopolitics and economics in the Asia-Pacific: Evolving interests and strategies*. Routledge.

Shigenoi, K. (Ed.). (2022). *Japan's role for Southeast Asia amidst the great power competition and its implications for the EU-Japan partnership*. Konrad-Adenauer-Stiftung e.V. Vietnam Office.

Shiraishi, T., & Kojima, T. (Eds.). (2013). *ASEAN-Japan relations*. Institute of Southeast Asian Studies.

Shoji, T. (2014). The South China Sea: A view from Japan. *NIDS Journal of Defense and Security, 15*, 127–141.

Shoji, T. (2024). Japan's security cooperation with ASEAN: Traditional ties, new developments. *East Asian Policy, 16*(3), 21–34.
https://doi.org/10.1142/S1793930524000187

Smith, J. M. (Ed.). (2018). *Asia's quest for balance: China's rise and balancing in the Indo-Pacific***.** Rowman & Littlefield.

Sohn, Y., & Pempel, T. J. (Eds.). (2018). *Japan and Asia's contested order: The interplay of security, economics, and identity*. Springer.

Sudo, S., & Yamahata, C. (Eds.). (2023). *ASEAN and regional actors in the Indo-Pacific***.** Springer. https://doi.org/10.1007/978-981-99-4020-2

Vosse, W., & Midford, P. (Eds.). (2018). *Japan's new security partnerships: Beyond the security alliance*. Manchester University Press.

Yoshimatsu, H. (2021). *Japan's Asian diplomacy: Power transition, domestic politics, and diffusion of ideas*. Palgrave Macmillan. https://doi.org/10.1007/978-981-15-8338-4

THE BIỂN ĐÔNG IN JAPAN'S STRATEGIC INTERESTS IN THE EARLY DECADES OF THE 21ST CENTURY

Phan Van Ca

University of Social Sciences and Humanities, Vietnam National Unviversity Ho Chi Minh City, Vietnam
Corresponding author: Phan Van Ca – Email: hueminhphan@hcmussh.edu.vn
Received: April 16, 2025; Revised: May 29, 2025; Accepted: June 30, 2025

ABSTRACT

This article examines the strategic role of the Biển Đông in Japan's policy during the early twenty-first century, with particular emphasis on maritime security, trade, energy, and foreign affairs. Through its Free and Open Indo-Pacific strategy and a range of diplomatic, defense, and economic initiatives in Southeast Asia, Japan regards the Biển Đông as a critical area for safeguarding vital sea lines of communication, upholding the international rules-based order, and counterbalancing China's growing influence. The study reveals that the Biển Đông occupies a central position in Japan's regional security strategy. In response to escalating tensions, Japan has strengthened security cooperation with Southeast Asian countries, enhanced the maritime capacity of coastal states, and increased its participation in regional mechanisms. These efforts reflect a shift from a traditionally defensive posture toward a more proactive stance, underscoring the Biển Đông as a key factor in Japan's long-term strategic interests.

Keywords: Japan's strategic interests; maritime security; regional cooperation; Biển Đông